

Số:            /2020/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày    tháng    năm 2020

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định một số nhiệm vụ quản lý nhà nước và phối hợp trong triển khai hoạt động chuyên môn đối với hội thể thao quốc gia**

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.*

*Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao.*

*Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định một số nhiệm vụ quản lý và phối hợp trong hoạt động chuyên môn đối với hội thể thao quốc gia*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định một số nhiệm vụ quản lý nhà nước của Tổng cục Thể dục thể thao đối với hội thể thao quốc gia; mối quan hệ phối hợp giữa Tổng cục Thể dục thể thao và hội thể thao quốc gia trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với:

- a) Tổng cục Thể dục thể thao;
- b) Các hội thể thao quốc gia;
- c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước đối với hội thể thao quốc gia.

2. Hội thể thao quốc gia quy định trong Thông tư này bao gồm:

- a) Ủy ban Olympic Việt Nam;
- b) Các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia của môn thể thao.

### **Điều 3. Công nhận Ban vận động thành lập hội thể thao quốc gia**

1. Tổng cục Thể dục thể thao tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận Ban vận động thành lập hội thể thao quốc gia.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội thể thao quốc gia; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

### **Điều 4. Tham gia ý kiến về xin phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên hội thể thao quốc gia**

1. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham gia ý kiến bằng văn bản với Bộ Nội vụ về việc cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và đổi tên hội thể thao quốc gia.

2. Tổng cục Thể dục thể thao hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện việc thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể của hội thể thao quốc gia theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Tổ chức đại hội**

1. Theo yêu cầu của Bộ Nội vụ, Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét tham gia ý kiến bằng văn bản với Bộ Nội vụ về việc cho phép hội thể thao quốc gia tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội thường niên hoặc đại hội bất thường.

Tổng cục Thể dục thể thao hướng dẫn hội thể thao quốc gia tiến hành đại hội theo đúng quy định của pháp luật.

2. Nhân sự lãnh đạo của hội thể thao quốc gia:

a) Theo đề nghị của hội thể thao quốc gia, Tổng cục Thể dục thể thao tham gia ý kiến với Ban chấp hành hội về việc giới thiệu cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý tham gia ứng cử vào Ban chấp hành nhiệm kỳ mới;

b) Đối với nhân sự tham gia ứng cử chức danh Chủ tịch hội, nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền, Tổng cục Thể dục thể thao trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

### **Điều 6. Phê duyệt Điều lệ của hội thể thao quốc gia**

Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt Điều lệ hội của hội thể thao quốc gia và trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, tham gia ý kiến bằng văn bản với Bộ Nội vụ để phê duyệt Điều lệ của hội thể thao quốc gia.

## **Điều 7. Chương trình, kế hoạch hoạt động của hội thể thao quốc gia**

1. Căn cứ chiến lược, quy hoạch phát triển thể dục thể thao, phương hướng, nhiệm vụ công tác của Tổng cục Thể dục thể thao và các tổ chức thể thao quốc tế tương ứng mà hội thể thao quốc gia là thành viên, hội thể thao quốc gia xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của nhiệm kỳ và hàng năm của hội, gửi Tổng cục Thể dục thể thao để tổng hợp và phối hợp thực hiện.

2. Căn cứ yêu cầu của hội thể thao quốc gia về phát triển môn thể thao chuyên nghiệp, hội thể thao quốc gia xây dựng đề án tổ chức hoạt động chuyên nghiệp và quy chế hoạt động chuyên nghiệp của môn thể thao gửi Tổng cục Thể dục thể thao thẩm định, báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét và tổ chức thực hiện sau khi được Bộ phê duyệt.

## **Điều 8. Quản lý hoạt động tổ chức thi đấu thể thao**

1. Đăng cai, tổ chức đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới:

a) Ủy ban Olympic Việt Nam, Hiệp hội Paralympic Việt Nam căn cứ kế hoạch tổ chức các đại hội thể thao của các tổ chức thể thao khu vực, châu lục và thế giới đề xuất Tổng cục Thể dục thể thao báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét đăng cai các đại hội thể thao, đại hội thể thao người khuyết tật khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam.

b) Sau khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chấp thuận chủ trương đăng cai, Tổng cục Thể dục thể thao chủ trì phối hợp với các hội thể thao quốc gia xây dựng Đề án đăng cai các đại hội thể thao, đại hội thể thao người khuyết tật khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Các hội thể thao quốc gia có trách nhiệm phối hợp với Tổng cục Thể dục thể thao và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức các đại hội thể thao, đại hội thể thao người khuyết tật khu vực, châu lục và thế giới tại Việt Nam theo đề án được phê duyệt.

2. Đăng cai, tổ chức các giải thể thao quốc tế của từng môn thể thao:

a) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, các hội thể thao quốc gia gửi Tổng cục Thể dục thể thao kế hoạch tổ chức các giải thể thao quốc tế dự kiến đăng cai tổ chức trong năm công tác tiếp theo để tổng hợp vào kế hoạch thi đấu thể thao quốc gia hàng năm;

b) Đối với các giải vô địch, vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới, hội thể thao quốc gia phải gửi kèm theo kế hoạch tổ chức giải hồ sơ xin tổ chức giải để Tổng cục Thể dục thể thao thẩm định, trình Bộ trưởng Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.

c) Đối với các giải thể thao quốc tế khác do hội thể thao quốc gia đăng cai tổ chức, hội thể thao quốc gia làm thủ tục xin phép tổ chức giải theo quy định của pháp luật và báo cáo Tổng cục Thể dục thể thao để phối hợp quản lý.

3. Lịch tổ chức các giải thể thao quốc gia, quốc tế:

Tổng cục Thể dục thể thao chủ trì xây dựng lịch thi đấu các giải thể thao quốc gia, quốc tế hàng năm, bao gồm:

- a) Đại hội thể thao, đại hội thể thao người khuyết tật quốc tế (nếu có);
- b) Các giải thể thao quốc tế do hội thể thao quốc gia đăng cai tổ chức tại Việt Nam;
- c) Đại hội thể thao toàn quốc (nếu có);
- d) Giải Vô địch toàn quốc;
- đ) Giải Vô địch trẻ và các lứa tuổi toàn quốc;
- e) Các giải thể thao chuyên nghiệp;
- g) Các giải thể thao khác do Tổng cục Thể dục thể thao tổ chức;
- h) Các giải thể thao khác do hội thể thao quốc gia tổ chức.

#### 4. Tổ chức giải thể thao quốc gia, quốc tế:

a) Tổng cục Thể dục thể thao chủ trì, phối hợp với hội thể thao quốc gia tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch chuẩn bị và tổ chức các đại hội thể thao quốc tế quy định tại Điểm a, c Khoản 3 Điều này và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Tổng cục Thể dục thể thao chủ trì, phối hợp với hội thể thao quốc gia tổ chức các giải thể thao quy định tại Điểm b, d, đ, e, g Khoản 3 Điều này (trừ các giải thể thao kinh phí do hội chịu trách nhiệm hoàn toàn);

c) Hội thể thao quốc gia chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức các giải thể thao quy định tại Điểm e, h Khoản 3 Điều này và các giải thể thao kinh phí do hội chịu trách nhiệm hoàn toàn.

5. Hội thể thao quốc gia có trách nhiệm báo cáo kết quả thi đấu của đội tuyển thể thao quốc gia về Tổng cục Thể dục thể thao sau khi kết thúc các giải thi đấu.

6. Hội thể thao quốc gia hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các hội cổ động viên của môn thể thao khi tham gia cổ vũ tại các giải thi đấu thể thao.

### **Điều 9. Thành lập đoàn thể thao, đội tuyển thể thao quốc gia tham gia các đại hội thể thao, giải thể thao quốc tế**

#### 1. Thành lập đoàn thể thao quốc gia:

a) Căn cứ điều lệ các đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới, đề xuất của huấn luyện viên trưởng các đội tuyển thể thao quốc gia, Tổng cục Thể dục thể thao chủ trì, phối hợp với các hội thể thao quốc gia tuyển chọn cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên của các môn thể thao trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định thành lập Đoàn thể thao Việt Nam và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Ủy ban Olympic Việt Nam, Hiệp hội Paralympic Việt Nam phối hợp với liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia đăng ký cho các thành viên của Đoàn Thể thao Việt Nam tham dự các đại hội thể thao, đại hội thể thao người khuyết tật khu vực, châu lục và thế giới.

## 2. Thành lập đội tuyển thể thao quốc gia:

a) Tổng cục Thể dục thể thao quyết định thành lập đội tuyển thể thao, đội tuyển thể thao trẻ quốc gia (sau đây gọi chung là đội tuyển thể thao quốc gia) để tập huấn chuẩn bị tham gia thi đấu quốc tế bằng nguồn ngân sách nhà nước giao cho Tổng cục Thể dục thể thao quản lý;

b) Căn cứ điều lệ thi đấu các giải thể thao quốc tế, đề xuất của huấn luyện viên trưởng đội tuyển quốc gia và liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, Tổng cục Thể dục thể thao xem xét, quyết định thành lập và cử đội tuyển thể thao quốc gia tham gia giải thể thao quốc tế bằng nguồn ngân sách nhà nước giao cho Tổng cục Thể dục thể thao; hoặc trường hợp đội tuyển thể thao quốc gia tham gia thi đấu quốc tế bằng nguồn kinh phí của liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia nhưng liên đoàn, hiệp hội đề nghị Tổng cục Thể dục thể thao ban hành quyết định;

c) Liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia quyết định thành lập đội tuyển thể thao quốc gia tập huấn, cử đội tuyển tham gia giải thể thao quốc tế bằng nguồn kinh phí của liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia;

d) Liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia có trách nhiệm đăng ký thi đấu cho các huấn luyện viên và vận động viên của các đội tuyển thể thao quốc gia tham gia giải thể thao quốc tế.

## **Điều 10. Quản lý vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao**

### 1. Lập và quản lý hồ sơ huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài:

a) Hội thể thao quốc gia có trách nhiệm lập, quản lý hồ sơ và xác nhận tư cách vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài môn thể thao theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của hội và của tổ chức thể thao quốc tế tương ứng;

b) Tổng cục Thể dục thể thao chịu trách nhiệm lập, quản lý hồ sơ của huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao quốc gia.

### 2. Phong đẳng cấp vận động viên:

a) Tổng cục Thể dục thể thao chủ trì, phối hợp với các hội thể thao quốc gia xây dựng tiêu chuẩn phong đẳng cấp cho vận động viên của từng môn thể thao trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành;

b) Căn cứ tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên, hội thể thao quốc gia công nhận đẳng cấp cho vận động viên của môn thể thao;

c) Hội thể thao quốc gia gửi quyết định công nhận đẳng cấp vận động viên cho Tổng cục Thể dục thể thao, cơ quan quản lý vận động viên, vận động viên và lưu tại hội.

## **Điều 11. Ban hành tiêu chuẩn chuyên môn và cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn chuyên môn**

1. Đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị:

a) Căn cứ luật thi đấu của môn thể thao do liên đoàn thể thao quốc tế ban hành, liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia xây dựng và ban hành tiêu chuẩn chuyên môn đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu thể thao thành tích cao;

b) Liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia kiểm tra và cấp chứng nhận các cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đủ tiêu chuẩn thi đấu thể thao thành tích cao;

c) Cơ sở vật chất, trang thiết bị đã được liên đoàn thể thao quốc tế công nhận đủ tiêu chuẩn thi đấu thể thao thành tích cao ở các giải thể thao khu vực, châu lục và thế giới thì đủ tiêu chuẩn tham gia tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao tại Việt Nam.

2. Đối với vận động viên, huấn luyện viên và trọng tài:

Liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia ban hành tiêu chí, phương pháp đánh giá, xếp hạng và thực hiện đánh giá, xếp hạng chuyên môn đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài của môn thể thao do liên đoàn, hiệp hội quản lý.

3. Các tiêu chuẩn chuyên môn, chứng nhận đạt tiêu chuẩn chuyên môn đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu thể thao thành tích cao và tiêu chí đánh giá, kết quả đánh giá, xếp hạng vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài phải được công bố công khai trong liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, các tổ chức thành viên và thông báo cho Tổng cục Thể dục thể thao.

## **Điều 12. Áp dụng tiêu chuẩn hoạt động thể thao chuyên nghiệp và cấp chứng nhận đủ tiêu chuẩn hoạt động thể thao chuyên nghiệp**

1. Căn cứ các quy định của liên đoàn thể thao quốc tế mà liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia là thành viên và quy chế thể thao chuyên nghiệp của môn thể thao, liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia công nhận trọng tài, huấn luyện viên, vận động viên và các đối tượng khác (nếu có) đủ tiêu chuẩn hoạt động thể thao chuyên nghiệp của môn thể thao do liên đoàn, hiệp hội quản lý.

2. Căn cứ quy định của liên đoàn thể thao quốc tế, liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia chịu trách nhiệm đào tạo, cử đi đào tạo hoặc phối hợp với các liên đoàn thể thao quốc tế mà liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia là thành viên tổ chức đào tạo và cấp chứng nhận đủ tiêu chuẩn hoạt động thể thao chuyên nghiệp cho huấn luyện viên, trọng tài thể thao.

3. Liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia xem xét, công nhận các huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài đủ tiêu chuẩn hoạt động thể thao chuyên nghiệp ở Việt Nam nếu các huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài thể thao đó có chứng chỉ hành nghề do các liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

4. Liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức thu hồi chứng nhận đủ tiêu chuẩn hoạt động thể thao chuyên nghiệp đối với các đối tượng vi phạm theo quy định của liên đoàn, hiệp hội.

**Điều 13. Thực hiện, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ nhà nước**

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách phát triển thể dục thể thao:

a) Tổng cục Thể dục thể thao xin ý kiến đóng góp của các hội thể thao quốc gia khi xây dựng chiến lược, quy hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách phát triển thể dục, thể thao;

b) Hội thể thao quốc gia chủ động đề xuất với Tổng cục Thể dục thể thao và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các chính sách để phát triển hội và môn thể thao thuộc phạm vi hội quản lý.

2. Căn cứ nhiệm vụ công tác của Tổng cục Thể dục thể thao, hội thể thao quốc gia đề xuất với Tổng cục Thể dục thể thao xem xét giao cho hội thực hiện các nhiệm vụ: đào tạo vận động viên; đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ huấn luyện viên, trọng tài; tập huấn đội tuyển quốc gia; tổ chức giải thể thao quốc gia, quốc tế phù hợp chức năng, nhiệm vụ và năng lực của hội.

3. Trường hợp hội thể thao quốc gia chịu trách nhiệm chi toàn bộ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Khoản 2 Điều này, Tổng cục Thể dục thể thao quyết định giao quyền tổ chức cho hội.

4. Trường hợp hội thể thao quốc gia chịu trách nhiệm một phần kinh phí, hoặc Tổng cục Thể dục thể thao chi toàn bộ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Khoản 2 Điều này, Tổng cục Thể dục thể thao xem xét quyết định theo các phương án:

a) Tổng cục Thể dục thể thao chủ trì, phối hợp với hội thể thao quốc gia tổ chức thực hiện;

b) Trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền giao cho hội thể thao quốc gia tổ chức thực hiện.

5. Sau khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền đồng ý giao cho hội thể thao quốc gia thực hiện nhiệm vụ nêu tại Khoản 4 Điều này, Tổng cục Thể dục thể thao thực hiện các bước sau:

a) Hướng dẫn hội thể thao quốc gia xây dựng kế hoạch triển khai, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ của nhà nước theo quy định tại Thông tư [01/2011/TT-BTC](#) ngày 06 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội;

b) Sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán thực hiện nhiệm vụ, Tổng cục Thể dục thể thao (hoặc đơn vị được Tổng cục giao nhiệm vụ) thực hiện:

- Ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ với hội thể thao quốc gia được giao thực hiện nhiệm vụ. Hợp đồng phải thể hiện toàn bộ nội dung nhiệm vụ, kết quả hoàn thành sau khi kết thúc hợp đồng giữa hai bên, trách nhiệm của hai bên.

- Chuyên kinh phí thực hiện hợp đồng cho hội thể thao quốc gia sau khi ký hợp đồng trách nhiệm.

- Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ và sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ theo đúng dự toán được duyệt.

c) Hội thể thao quốc gia có trách nhiệm báo cáo kết quả nhiệm vụ được giao, lập và báo cáo quyết toán gửi về Tổng cục Thể dục thể thao nghiệm thu kết quả, xét duyệt quyết toán và thanh lý hợp đồng đã ký kết.

#### **Điều 14. Quản lý, phối hợp hoạt động hợp tác quốc tế**

1. Trách nhiệm của Tổng cục Thể dục thể thao:

a) Thông báo cho hội thể thao quốc gia các điều ước quốc tế, các thỏa thuận quốc tế về thể dục thể thao đã được ký kết theo quy định;

b) Hướng dẫn, tạo điều kiện để hội thể thao quốc gia tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về thể thao;

c) Có ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền quyết định việc hội thể thao quốc gia gia nhập vào hội thể thao quốc tế;

d) Quyết định cử cán bộ của Tổng cục Thể dục thể thao là thành viên của hội thể thao quốc gia tham gia ứng cử ở các tổ chức thể thao quốc tế theo đề nghị của hội.

2. Trách nhiệm của hội thể thao quốc gia:

a) Hội thể thao quốc gia thông báo cho Tổng cục Thể dục thể thao:

- Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm của hội;

- Nội dung các thỏa thuận hợp tác về chuyên môn thể thao của hội với các tổ chức thể thao quốc tế;

- Kế hoạch tổ chức các đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới hàng năm;

- Dự kiến kế hoạch tham dự các giải thể thao quốc tế của các đội tuyển thể thao quốc gia, kế hoạch đăng cai các giải thể thao quốc tế, các hội nghị, lớp tập huấn thể thao quốc tế tại Việt Nam;

- Các hoạt động hợp tác quốc tế khác.

b) Thực hiện các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với các vấn đề quan trọng trong hợp tác quốc tế của hội thể thao quốc gia với các tổ chức thể thao quốc tế.



### **Điều 15. Quản lý hoạt động tài sản, tài chính**

1. Hội thể thao quốc gia có trách nhiệm xây dựng Quy chế quản lý tài chính, tài sản của hội và tổ chức thực hiện sau khi được ban chấp hành hội phê duyệt theo quy định.

2. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày sau khi kết thúc năm tài chính, hội thể thao quốc gia phải báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi Tổng cục Thể dục thể thao và cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra hội thể thao quốc gia thực hiện việc quản lý tài chính, tài sản của hội theo quy định của pháp luật.

### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Tổng cục Thể dục Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và phối hợp thanh tra các hoạt động của hội thể thao quốc gia theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện các vi phạm thì kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

### **Điều 17. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2013/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hội thể thao quốc gia.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Tổng cục Thể dục thể thao) để nghiên cứu, giải quyết./

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Công báo; Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các hội thể thao quốc gia ;
- Công thông tin điện tử của VHTTDL;
- Lưu: VT, TCTDĐT, VH (200).

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngọc Thiện**

